

# Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Gỡ khó từ chính sách

NGUYỄN MINH PHÚ\*

Những năm qua, dù đã có những bước tiến cơ bản cả về chất và lượng, nhưng sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) nước ta vẫn còn hạn chế... Vì vậy, để ngành CNHT đủ sức tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, cần tập trung triển khai nhiều giải pháp theo hướng sát thực tế hơn, trong đó, cơ chế, chính sách là vấn đề trọng tâm cần được hoàn thiện nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành CNHT cũng như gia tăng giá trị cho ngành công nghiệp Việt Nam.

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CNHT Ở VIỆT NAM

Đôi chiếu 5 giai đoạn phát triển của ngành CNHT (Hình), theo tác giả, mức độ phát triển của CNHT của Việt Nam mới nằm ở giữa giai đoạn thứ nhất, thứ hai, tức là mới đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển. So với khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có thể phát triển hơn một số quốc gia, như: Myanmar, Lào, Campuchia, nhưng so với một số quốc gia phát triển khác trong khu vực, thì có đánh giá rằng, Việt Nam đang bị "tụt hậu" sau khoảng 40 năm (Nguyễn Tuyên, 2016).

Thực tế ngành CNHT của Việt Nam còn rất nhiều yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Điều này thể hiện rõ qua các mặt sau:

*Một là, số lượng doanh nghiệp CNHT nội địa còn ít.* Theo thống kê của Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương), tính đến hết năm 2019, nước ta có khoảng 1.800 doanh nghiệp CNHT, trong đó 300 doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp CNHT đang chiếm khoảng 4,5% tổng số doanh nghiệp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (Tổ Uyên, 2020).

*Hai là, khả năng cung ứng sản phẩm của ngành CNHT cho nhu cầu sản xuất nội địa còn thấp.* Đánh giá của Bộ Công Thương về thực trạng của ngành CNHT trong nước cho biết, năng lực sản xuất các sản phẩm

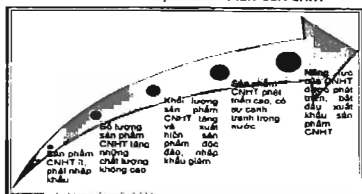
CNHT trong nước những năm vừa qua đã dần được cải thiện, nhưng khả năng cung ứng thực tế còn nhiều bất cập, như: nhập siêu linh kiện, phụ tùng rất lớn, tỷ lệ nội địa hóa trong nhiều ngành công nghiệp rất thấp. Đơn cử, tỷ lệ này của ngành dệt may mới đạt 40%-45% (Lạc Phong, 2019).

Tuy nhiên, hầu hết linh kiện nội địa hóa lại đều do các công ty FDI cung cấp, còn doanh nghiệp Việt Nam chỉ chủ yếu cung cấp vật tư tiêu hao, bao bì, in ấn... với giá trị rất nhỏ.

*Ba là, khả năng cạnh tranh của sản phẩm thấp.* Nhìn chung, các doanh nghiệp CNHT Việt Nam chưa đủ khả năng cung ứng cho các doanh nghiệp FDI. Ông Ron Ashkin, Giám đốc dự án Liên kết USAID cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nêu ra nghịch lý là doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hiện chiếm đến 98% số DN trên cả nước, nhưng mới chỉ có 21% liên kết với chuỗi cung ứng nước ngoài. Trong khi tỷ lệ này ở Thái Lan là 30%, Malaysia là 46%... Nhập khẩu đầu vào ở một số lĩnh vực vẫn ở mức cao: được là 85%-90%, điện thoại thông minh 79%, điện tử 77%, nhựa 70%-80%, dệt may 67%, giày dép 47%. Điển hình như trường hợp của Samsung - Tập đoàn này chiếm gần 1/4 tổng xuất khẩu Việt Nam, nhưng đến năm 2019, mới chỉ có 35 công ty Việt Nam là nhà cung cấp cấp 1 (Lê Thúy, 2019).

*Bốn là, thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp CNHT nội địa và doanh nghiệp FDI.* vì vậy, mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu chưa cao. Việc thiếu liên kết chặt chẽ xuất phát từ một số nguyên nhân, như: Các doanh nghiệp CNHT nội địa nhìn chung, chưa được

HÌNH: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CNHT



Nguồn: Phan Thế Công, Ho Thị Mai, Sĩ Hưng, (2011)

\* TS., Trường Đại học Trưng Vương

được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI; Các doanh nghiệp FDI chưa tin tưởng vào các nhà cung cấp nội địa nên thường ít có kế hoạch từ nhà sản xuất linh kiện phụ tùng nội địa, mà thường mua từ doanh nghiệp hỗ trợ FDI hoặc từ nhập khẩu; Các doanh nghiệp FDI, thông thường đã có riêng hệ thống vệ tinh quen thuộc từ lâu trên thế giới; Thiểu cơ sở dữ liệu đầy đủ về CNHT...

Năm là, nhân lực phục vụ CNHT chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng, chủ yếu là do doanh nghiệp và nhà trường chưa hình thành liên kết bền vững, chưa thật sự hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau. Ngược lại, chất lượng đào tạo nhân lực thấp đã ảnh hưởng đến chất lượng của các nghiên cứu khoa học ứng dụng, chất lượng kỹ sư, công nghệ viên, kỹ thuật viên và công nhân nói chung. Những công đoạn khó, đòi hỏi độ phức tạp cao về kỹ thuật vẫn do các chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm.

## CHÍNH SÁCH CNHT

Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành một số văn bản nhằm đẩy mạnh việc phát triển CNHT, như: Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN, ngày 31/07/2007 về phê duyệt Quy hoạch phát triển CNHT giai đoạn đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương); Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg, ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành CNHT; Quyết định số 9028/QĐ-BCT, ngày 8/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển CNHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 về phát triển CNHT; Quyết định số 68/QĐ-TTg, ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển CNHT từ năm 2016 đến năm 2025...

Tuy nhiên, chính sách về CNHT vẫn đang bộc lộ một số bất cập, dẫn đến những hạn chế trong phát triển của CNHT, cụ thể như sau:

- Quá trình triển khai thực hiện các chính sách CNHT, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách vẫn còn chậm, đặc biệt là nguồn hỗ trợ từ ngân sách trong các hỗ trợ cho doanh nghiệp CNHT.

- Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp hỗ trợ phát triển,

tuy nhiên những ưu đãi này chưa cụ thể và còn mang tính chất cào bằng. Đối tượng được hưởng nhiều ưu đãi nhất lại không phải là doanh nghiệp nội, mà chủ yếu là doanh nghiệp FDI (khoảng 70%) (Nguyễn Thị Thu Hồng, 2019).

- Chính sách hỗ trợ về tài chính chưa rõ ràng, hạn chế tính chủ động của doanh nghiệp CNHT. Cụ thể là: theo quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-NHNN, ngày 04/05/2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Theo đó, Thông tư quy định về việc hỗ trợ lãi vay 15%/năm đối với doanh nghiệp phát triển CNHT. Điều này cho thấy, Nhà nước thực sự quan tâm và muốn phát triển ngành công nghiệp này, song thực tế hiện nay, các doanh nghiệp sản xuất hàng CNHT của Việt Nam còn quá yếu, do đó, rất khó tiếp cận được nguồn vốn này. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đang thiếu các định chế trung gian để hỗ trợ các doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm CNHT.

- Một số bất cập đang tồn tại trong Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển CNHT. Theo Bộ Công Thương (2020), sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT vẫn còn tồn tại một số điểm vướng mắc, bất cập cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, cụ thể là:

+ Sản xuất CNHT gồm nhiều lĩnh vực mới, Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển tuy đã được xây dựng khá rộng để tránh bỏ sót, nhưng vẫn còn thiếu cụ thể vì không thể liệt kê đầy đủ hàng ngàn chi tiết linh kiện, phụ tùng. Mặt khác, Danh mục này chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của từng ngành. Điển hình là: nhiều doanh nghiệp chuyên xử lý các công nghệ, như: rèn, dập, đúc, mạ, tráng, sơn, nhuộm, thuộc da... là công đoạn quan trọng quyết định chất lượng của sản xuất CNHT, nhưng do không chế tạo ra sản phẩm cụ thể nên hiện không nằm trong Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển. Điều này dẫn tới thực tế là doanh nghiệp có thể phải mất thêm các chi phí (thuê luật sư, tư vấn) và mất thời gian xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền trong việc đề nghị xác nhận ưu đãi.

Ngoài ra, đặc điểm sản xuất của một số ngành, như: dệt may, da giày là khác hẳn với các ngành công nghiệp khác, như: ngành ô tô và điện tử..., nên việc các sản phẩm dệt may, da giày cùng được xếp trong Danh mục với sản phẩm các ngành ô tô, điện tử là chưa thực sự hợp lý.

+ Các sản phẩm CNHT có độ phức tạp khác nhau về công nghệ sản xuất, hiện đang được hưởng cùng mức ưu đãi. Trong khi đó, để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao và tạo ra nhiều giá trị gia tăng, cần phải có các mức ưu đãi khác nhau đối với các loại sản phẩm khác nhau.

+ Thuật ngữ "sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển" cũng chưa bao quát hết các ngành và lĩnh vực CNHT.

## MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Nhằm thúc đẩy ngành CNHT phát triển cũng như gia tăng giá trị cho ngành công nghiệp này ở Việt Nam, theo tác giả, cần hoàn thiện về cơ chế, chính sách hỗ trợ cho CNHT, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, muốn phát triển CNHT, Nhà nước cần đóng vai trò là “bà đỡ”, đặc biệt hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ trong việc bảo đảm môi trường kinh doanh thuận lợi, chi phí gia nhập thị trường thấp, khuyến khích nguồn vốn tư nhân xã hội. Từ bài học sâu sắc về ngành công nghiệp ô tô, cần có sự thống nhất, quán triệt bảo đảm sự đồng bộ và toàn diện trong các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan quản lý nhà nước về thực hiện mục tiêu chung về CNHT. Ngành CNHT và công nghiệp nói chung không thể thực hiện thành công nếu như thiếu sự thống nhất quan điểm trong tổ chức thực hiện.

*Thứ hai*, Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng sửa đổi như sau:

- Mở rộng đối tượng ưu đãi của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP. Theo đó, Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển cần được mở rộng thành Danh mục sản phẩm CNHT và các công nghệ CNHT ưu tiên phát triển.

- Các sản phẩm CNHT có độ phức tạp khác nhau về công nghệ sản xuất, thì cần có các mức ưu đãi khác nhau đối với các loại sản phẩm khác nhau.

- Chính sách ưu đãi cần hướng tới đối tượng doanh nghiệp nội.

*Thứ ba*, cần có chính sách hỗ trợ về tài chính một cách rõ ràng, nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất hàng CNHT của Việt Nam tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi. Cụ thể: Có thể hình thành gói tín dụng ưu đãi với

cơ chế tương tự như gói tín dụng xanh cho nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời, Chính phủ có thể sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi để xây dựng một quỹ tài chính đảm bảo cho việc phát triển CNHT của những ngành đã được chỉ định.

Ngoài ra, Chính phủ cũng cần có ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị, máy móc cho các doanh nghiệp phụ trợ. Cũng như các ngành công nghiệp khác, ngành CNHT rất cần mặt bằng để phát triển, vì thế, Chính phủ nên dành quỹ đất hợp lý cho các khu CNHT, trong đó có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ, như: nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ kiểm định chất lượng, dịch vụ tài chính...

*Thứ tư*, nhằm phát triển nguồn nhân lực cho CNHT, cần áp dụng những biện pháp khuyến khích đào tạo và học tập về ngành CNHT như đưa ra những chính sách khen thưởng, chứng chỉ cho các cá nhân có quá trình học tập tốt, có tay nghề cao. Đặc biệt, Chính phủ nên có các chương trình hỗ trợ đào tạo dành cho các doanh nghiệp CNHT Việt Nam; chú trọng vào các doanh nghiệp có mong muốn trở thành nhà thầu phụ hoặc sản xuất sản phẩm phụ trợ cho các doanh nghiệp khác. Các chương trình đào tạo cũng cần tập trung vào kỹ năng còn thiếu và yếu của các doanh nghiệp nội địa sản xuất sản phẩm hỗ trợ, như: kỹ năng vận hành máy móc thiết bị, quản lý chất lượng sản phẩm. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015). *Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ*
2. Bộ Công Thương (2020). *Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ*
3. Phan Thế Công, Hồ Thị Mai Sương (2011). *Giải pháp thúc đẩy phát triển khu công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ tạo ra mạng liên kết sản xuất và hình thành chuỗi giá trị*, Tham luận Hội thảo Phát triển cụm công nghiệp, khu công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ tạo mạng liên kết sản xuất và hình thành chuỗi giá trị, ngày 27/07/2011
4. Nguyễn Thị Thu Hồng (2019). Định hướng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong bối cảnh mới, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 7/2019
5. Tố Uyên (2020). *Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: Nhiều cơ hội “bước chân” vào chuỗi cung ứng*, truy cập từ <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2020-03-27/Doanh-nghiep-cong-nghiep-ho-tro-nhieu-co-hoi-buoc-chan-va-o-chuoi-cung-ung-84489.aspx>
6. Lạc Phong (2019). *Tiếp sức ngành công nghiệp hỗ trợ*, truy cập từ <https://www.vggp.org.vn/tiep-suc-nganh-cong-nghiep-ho-tro-629167.html>
7. Lê Thúy (2019). *Doanh nghiệp nhỏ khó bắt tay ông lớn FDI*, truy cập từ <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/viet-nam/doanh-nghiep-nho-kho-bat-tay-ong-lon-fdi-1056216.html>
8. Nguyễn Tuyền (2016). *Về công nghệ, Việt Nam tự hậu so với các nước Đông Nam Á hơn 40 năm*, truy cập từ <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/ve-cong-nghe-viet-nam-tu-hau-so-voi-cac-nuoc-dong-nam-a-hon-40-nam-20160916102249074.htm>